

Tăng tỷ trọng

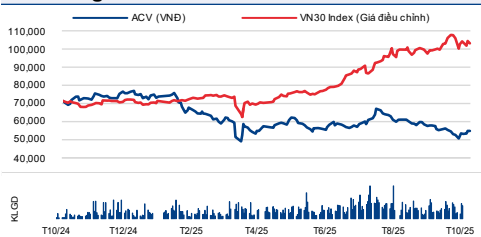
Giá mục tiêu: VNĐ69,800

Tiềm năng tăng/giảm: 27.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	54,900
Mã Bloomberg	ACV.VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	49,094-76,922
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	54,525
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	196,652
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,469
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,582
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,755
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,651
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	2.90%
Tỷ lệ freefloat	4.60%
Cổ đông lớn	Bộ Tài Chính (95.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	22,555	24,966	26,544
EBITDA đc (tỷ đồng)	14,589	17,703	19,912
LNTT (tỷ đồng)	14,333	16,354	10,323
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,277	10,483	6,043
FCF (tỷ đồng)	(3,657)	(33,827)	(20,557)
EPS ĐC (đồng)	4,261	2,926	1,687
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	27,508	19,643	21,330
T.trưởng EBITDA (%)	37.7	21.3	12.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	41.0	(10.9)	(55.5)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	64.7	70.9	75.0
Tỷ suất LNTT (%)	63.5	65.5	38.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	45.8	46.7	25.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	5.75	51.1	72.5
ROAE (%)	18.7	17.9	9.16
ROACE (%)	18.9	18.1	9.46
EV/doanh thu (lần)	4.56	8.62	9.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.04	12.2	12.4
P/E ĐC (lần)	12.9	18.8	32.5
P/B (lần)	2.00	2.79	2.57
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Cảng Hàng Không Việt Nam quản lý và điều hành 22 sân bay trên cả nước. Trong đó, có 7 sân bay Quốc tế. Hiện tại, Công ty đang triển khai xây dựng hai dự án lớn là SBQT Long Thành và nhà ga 3 của sân bay SBQT Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp

trang.ctmai@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2025: Lợi nhuận thuần tăng mạnh 40% so với cùng kỳ; sát với dự báo

- ACV báo cáo KQKD Q3/2025 tích cực, với lợi nhuận thuần (không bao gồm tài sản khu bay) đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ (tăng 25% so với quý trước), nhờ lượng hành khách cao hơn và lãi tỷ giá 171 tỷ đồng (so với lỗ tỷ giá 792 tỷ đồng/703 tỷ đồng trong Q3.2024/Q2.2025), sát với dự báo.
- Nếu không tính lãi tỷ giá, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi Q3/2025 (không bao gồm tài sản khu bay) đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ nhưng giảm 2% so với quý trước), cũng sát với dự báo.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 8% trong 3 tháng qua, ACV đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 21,1 lần, thấp hơn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 24,4 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố BCTC Q3/2025

Lợi nhuận thuần (không bao gồm tài sản khu bay) và doanh thu thuần Q3/2025 của ACV đạt lần lượt 2,8 nghìn tỷ đồng (tăng 40% so với cùng kỳ và tăng 25% so với quý trước) và 6,5 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ và tăng 2% so với quý trước). Nếu loại trừ các khoản mục không thường xuyên (chủ yếu từ biến động tỷ giá), lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi (không bao gồm tài sản khu bay) tăng nhẹ 4% so với cùng kỳ lên 2,7 nghìn tỷ đồng (giảm 2% so với quý trước). Kết quả này sát với dự báo của HSC.

Theo đó, lợi nhuận thuần và lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi 9 tháng đầu năm 2025 đạt lần lượt 7,7 nghìn tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ) và 8,5 nghìn tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 67%/75% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi.

Doanh thu thuần tăng mạnh nhờ lưu lượng khách tăng

Doanh thu thuần Q3/2025 tăng 14% so với cùng kỳ (tăng 2% so với quý trước) lên 6,5 nghìn tỷ đồng nhờ nhu cầu quốc tế và trong nước tăng mạnh:

- Tổng số lượng hành khách quốc tế trong Q3/2025 tăng 15% so với cùng kỳ lên gần 11,7 triệu lượt khách (tăng 6% so với quý trước) nhờ thị trường Trung Quốc phục hồi mạnh và các hãng hàng không mở thêm nhiều đường bay quốc tế mới.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025, ACV

Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi trong Q3/2025 tăng 4% so với cùng kỳ, lợi nhuận thuần tăng mạnh 40% nhờ lãi tỷ giá

	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	6,476	14%	2%	19,167	14%
Doanh thu của ACV	5,704	15%	2%	16,850	14%
Doanh thu tài sản khu bay (TSKB)	772	8%	0%	2,317	11%
Lợi nhuận thuần	3,207	37%	23%	8,926	5%
Lợi nhuận ACV	2,767	40%	25%	7,690	3%
Lợi nhuận thuần TSKB	440	23%	13%	1,235	22%
Lợi nhuận HĐKD 'cốt lõi'	3,003	2%	-2%	9,505	9%
Lợi nhuận cốt lõi ACV	2,680	4%	-2%	8,535	10%
Lợi nhuận cốt lõi TSKB khu bay	323	-10%	0%	970	-4%

Nguồn: ACV, HSC

- Trong khi đó, số lượng **hành khách trong nước** tăng 5% so với cùng kỳ lên 19 triệu lượt (giảm 1% so với quý trước). Mặc dù tăng trưởng một chữ số, nhưng chúng tôi cho rằng mức tăng của nhu cầu trong nước rất đáng khích lệ (so với giảm mạnh 15% so với cùng kỳ trong năm 2024 (do giá vé máy bay tăng cao)).
- Theo đó, tổng **số lượng hành khách trong nước trong Q3/2025** tăng 8% so với cùng kỳ lên 30,7 triệu lượt khách (tăng 1,4% so với quý trước).

Nhờ lưu lượng khách trong Q3/2025 vững chắc, số lượng hành khách 9 tháng đầu năm 2025 đạt 90,8 triệu lượt (tăng 9% so với cùng kỳ), bao gồm 34,5 triệu lượt khách quốc tế (tăng 13% so với cùng kỳ) và 56,3 triệu lượt khách trong nước (tăng 7% so với cùng kỳ). Kết quả này hoàn thành khoảng 75% dự báo cho cả năm của chúng tôi. Do đó, doanh thu 9 tháng đầu năm 2025 đạt 19,2 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ), hoàn thành 77% ước tính của HSC.

Lợi nhuận gộp tăng 10% so với cùng kỳ nhờ nhu cầu cải thiện

Lợi nhuận gộp Q3/2025 đạt 4 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ và tăng 2% so với quý trước. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp xuống 61,7% (so với 64,4% trong Q3/2024 và 61,8% trong Q2/2025) do chi phí khấu hao tăng lên 815 tỷ đồng (tăng 45% so với cùng kỳ và tăng 7% so với quý trước), khi Nhà ga T3 tại Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất được đưa vào vận hành từ ngày 19/4/2025.

Cập nhật các khoản mục không thường xuyên

Trong Q3/2025, ACV ghi nhận lợi nhuận không thường xuyên từ lãi tỷ giá và hoàn nhập dự phòng các khoản nợ khó đòi như sau:

- ACV ghi nhận lãi tỷ giá thuần 171 tỷ đồng trong Q3/2025 (so với lỗ tỷ giá thuần lần lượt 792 tỷ đồng và 703 tỷ đồng trong Q3/2024 và Q2/2025).
- Công ty ghi nhận khoản chi phí dự phòng 51 tỷ đồng cho các khoản nợ khó đòi trong Q3/2025 (so với hoàn nhập dự phòng 54 tỷ đồng trong Q3/2024 và 91 tỷ đồng trong Q2/2025).
- Trong Q3/2025, ACV đã trích lập dự phòng 86 tỷ đồng đối với Bamboo Airways (chưa niêm yết) và hoàn nhập 35 tỷ đồng đối với Vietravel Airlines (chưa niêm yết), do đó khoản chi phí dự phòng thuần là 51 tỷ đồng.

Lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi tăng nhẹ, lợi nhuận thuần tăng mạnh

Nhờ có lãi tỷ giá trở lại, lợi nhuận thuần Q3/2025 tăng mạnh 40% so với cùng kỳ (tăng 25% so với quý trước) lên 2,8 nghìn tỷ đồng. Nếu không bao gồm các khoản mục không thường xuyên, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi sẽ tăng 4% so với cùng kỳ đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (giảm 2% so với quý trước) nhờ lưu lượng hành khách cải thiện, như đã đề cập ở phần trên.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần tăng 3% so với cùng kỳ lên 7,7 nghìn tỷ đồng trong khi lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi tăng 10% so với cùng kỳ đạt 8,5 nghìn tỷ đồng nhờ tổng số lượng hành khách tăng 9% so với cùng kỳ lên 90,8 triệu lượt khách.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC đang xem xét lại khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 69.800đ (tiềm năng tăng giá 31%). Sau khi giá cổ phiếu giảm 8% trong 3 tháng qua, ACV đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 21,1 lần, thấp hơn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 24,4 lần.

Bảng 2: Số lượng hàng khách, ACV

Nhu cầu khách quốc tế tăng và nhu cầu trong nước hồi phục

Triệu khách	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ	% dự báo của HSC
Quốc tế	11.7	14.7%	5.9%	34.5	13%	74%
Nội địa	19.0	4.6%	-1.2%	56.3	7%	75%
Tổng cộng	30.7	8.2%	1.4%	90.8	9%	75%

Nguồn: ACV

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	20,033	22,555	24,966	26,544	31,801
Lợi nhuận gộp	11,923	13,813	16,395	12,717	13,165
Chi phí BH&QL	(3,695)	(1,512)	(1,512)	(1,714)	(1,994)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,228	12,301	14,883	11,003	11,171
Lãi vay thuần	2,091	1,634	1,052	(1,120)	(1,377)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	275	364	382	401	421
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	26.0	33.4	37.0	39.3	47.1
LN TT	10,620	14,333	16,354	10,323	10,262
Chi phí thuế TNDN	(2,048)	(2,756)	(3,271)	(2,065)	(2,052)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,253)	(1,255)	(1,419)	(1,534)	(1,570)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,319	10,321	11,664	6,724	6,639
Lợi nhuận thuần ĐC	6,578	9,277	10,483	6,043	5,967
EBITDA ĐC	10,592	14,589	17,703	19,912	23,892
EPS (đồng)	3,362	4,741	4,222	1,877	1,853
EPS ĐC (đồng)	3,022	4,261	2,926	1,687	1,666
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,177	2,177	2,763	3,582	3,582
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,177	2,177	3,582	3,582	3,582
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,177	2,177	3,582	3,582	3,582

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	2,844	6,307	(11,634)	5,434	1,258
Đầu tư ngắn hạn	25,896	20,249	17,476	4,512	23,851
Phải thu khách hàng	12,772	12,144	12,761	13,100	16,295
Hàng tồn kho	467	294	289	466	627
Các tài sản ngắn hạn khác	770	1,537	1,701	1,808	2,166
Tổng tài sản ngắn hạn	42,748	40,530	20,593	25,319	44,198
TSCĐ hữu hình	20,989	32,922	77,806	119,933	110,414
TSCĐ vô hình	3.30	12.1	13.5	15.0	16.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	171	175	175	175	175
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,689	2,859	2,859	2,693	2,693
Tài sản dài hạn khác	529	771	776	776	776
Tổng tài sản dài hạn	24,381	36,739	81,630	123,592	114,075
Tổng cộng tài sản	67,129	77,270	102,223	148,912	158,273
Nợ ngắn hạn	410	396	0	0	0
Phải trả người bán	1,187	1,689	1,657	2,672	3,602
Nợ ngắn hạn khác	3,186	2,148	2,115	3,144	4,086
Tổng nợ ngắn hạn	6,412	7,722	7,192	11,334	15,124
Nợ dài hạn	10,046	9,346	24,346	60,849	60,453
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.28	0.19	0.19	0.19	0.19
Nợ dài hạn khác	152	260	260	260	260
Tổng nợ dài hạn	10,198	9,607	24,606	61,110	60,714
Tổng nợ phải trả	16,619	17,329	31,798	72,444	75,838
Vốn chủ sở hữu	50,457	59,885	70,368	76,411	82,379
Lợi ích cổ đông thiểu số	53.3	56.4	56.4	56.4	56.4
Tổng vốn chủ sở hữu	50,510	59,941	70,424	76,468	82,435
Tổng nợ phải trả và VCSH	67,129	77,270	102,223	148,912	158,273
BVPS (đ)	23,177	27,508	19,643	21,330	22,996
Nợ thuần/(tiền mặt)	7,613	3,436	35,980	55,416	59,195

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,228	12,301	14,883	11,003	11,171
Khấu hao	(2,364)	(2,288)	(2,820)	(8,909)	(12,721)
Lãi vay thuần	2,091	1,634	1,052	(1,120)	(1,377)
Thuế TNDN đã nộp	(2,001)	(2,418)	(3,271)	(2,065)	(2,052)
Thay đổi vốn lưu động	(4,068)	(2,694)	(708)	13,029	(23,637)
Khác	2,379	87.5	350	(1,434)	(1,819)
LCT thuần từ HKKD	6,969	9,626	14,143	31,317	(1,330)
Đầu tư TS dài hạn	(12,894)	(13,283)	(47,970)	(51,874)	(3,204)
Góp vốn & đầu tư	(34.9)	273	1,282	1,121	754
Thanh lý	6,656	7,158	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(6,273)	(5,852)	(46,687)	(50,752)	(2,449)
Cổ tức trả cho CSH	(2.00)	(7.20)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(366)	(406)	14,604	36,504	(396)
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(368)	(414)	14,604	36,504	(396)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,497	2,844	6,307	(11,634)	5,434
LCT thuần trong kỳ	328	3,361	(17,941)	17,068	(4,176)
Ảnh hưởng của tỷ giá	19.7	102	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,844	6,307	(11,634)	5,434	1,258
Dòng tiền tự do	(5,925)	(3,657)	(33,827)	(20,557)	(4,534)

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	59.5	61.2	65.7	47.9	41.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	52.9	64.7	70.9	75.0	75.1
Tỷ suất LNT (%)	36.5	45.8	46.7	25.3	20.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.3	19.2	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	45.1	12.6	10.7	6.32	19.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	51.7	37.7	21.3	12.5	20.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	15.5	41.0	13.0	(42.4)	(1.26)
Tăng trưởng EPS (%)	15.5	41.0	(10.9)	(55.5)	(1.26)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	15.5	41.0	(31.3)	(42.4)	(1.26)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	15.5	18.7	17.9	9.16	8.36
ROACE (%)	14.3	18.9	18.1	9.46	7.96
Vòng quay tài sản (lần)	0.32	0.31	0.28	0.21	0.21
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.85	0.78	0.95	2.85	(0.12)
Số ngày tồn kho	21.0	12.3	12.3	12.3	12.3
Số ngày phải thu	575	507	543	346	319
Số ngày phải trả	53.4	70.5	70.5	70.5	70.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	15.1	5.75	51.1	72.5	71.9
Nợ/tài sản (%)	15.6	12.6	23.8	40.9	38.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	9.82	8.11
Nợ/EBITDA (lần)	0.99	0.67	1.38	3.06	2.53
Chỉ số TT hiện thời (lần)	6.67	5.25	2.86	2.23	2.92
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	5.06	4.56	8.62	9.33	7.30
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.56	7.04	12.2	12.4	9.71
P/E (lần)	16.3	11.6	13.0	29.2	29.6
P/E ĐC (lần)	18.2	12.9	18.8	32.5	33.0
P/B (lần)	2.37	2.00	2.79	2.57	2.39
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn